TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày 30-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu

Ông Nguyễn Thanh Rực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như-Kiểm sát viên.

Ngày 30-5-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2022/TLST-DS ngày 14-11-2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị Mỹ L (còn gọi là Võ Thị L); Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Quách Thị Mỹ T, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị M trình bày:

Vào ngày 30-10-2020 (âm lịch), bà Huỳnh Thị M làm chủ hụi (đầu thảo), mở một dây hụi giá 2.000.000 đồng, gồm có 36 phần hụi, 01 tháng mở hụi 01 lần, mỗi kỳ mở hụi bà M được hưởng hoa hồng là 1.000.000 đồng (tiền đầu thảo do các hụi viên và bà M thỏa thuận miệng với nhau), có 36 hụi viên tham gia, trong đó có bà Võ Thị Mỹ L (Võ Thị L) và bà Huỳnh Thị M (chị dâu của bà L) tham gia chơi hụi, cụ thể như sau:

Phần hụi thứ nhất: bà L tham gia chơi 01 phần hụi, đến kỳ khui hụi thứ 3 vào ngày 30-12-2020 (âm lịch) thì bà L bỏ thăm khui hụi là 800.000 đồng, trừ tiền đầu thảo cho bà M thì bà L thực tế lĩnh hụi được 41.400.000 đồng. Sau khi lĩnh hụi thì bà L đóng hụi cho bà M đến kỳ thứ 13 thì ngưng đóng nên từ ngày 30-02-2022 (âm lịch) đến ngày 30-12-2022 (âm lịch) thì bà L còn nợ tiền hụi của bà M là 22.000.000 đồng.

Phần hụi thứ hai: bà L cùng với bà M tham gia chơi 01 phần hụi, đến kỳ khui hụi thứ 5 vào ngày 30-02-2021 (âm lịch) thì bỏ thăm khui hụi là 820.000 đồng, trừ tiền đầu thảo cho bà M thì bà L và bà M thực tế lĩnh hụi được 42.650.000 đồng. Sau khi lĩnh hụi thì bà L đóng hụi cho bà M được 11 kỳ với số tiền là 11.000.000 đồng thì ngưng đóng nên từ ngày 30-02-2022 (âm lịch) đến ngày 30-12-2022 (âm lịch) thì bà L còn nợ tiền hụi của bà M là 11.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi mà bà L còn nợ của bà M là 33.000.000 đồng nhưng do bà L trả từng lần được số tiền là 6.500.000 đồng nên số tiền nợ còn lại là 27.500.000 đồng. Ngoài ra, khi tổ chức chơi hụi thì bà M không làm sổ hụi giao cho từng hụi viên mà chỉ làm giấy giao hụi ghi tên hụi viên nhưng không ghi cụ thể họ tên và địa chỉ, giấy hụi do bà M giữ đến kỳ hốt hụi thì photo giao lại cho các hụi viên. Mặt khác, trong quá trình chơi hụi thì khi lĩnh hụi bà L lại nhà bà M nhận tiền lĩnh hụi khi đó chỉ có mình bà M giao tiền cho bà L, khi tiến hành giao tiền hụi cho bà L thì bà L có ký tên vào giấy hụi do bà M giữ nên không cần yêu cầu giám định chữ ký và các lần khui hụi thì do mẹ bà L đi khui hụi cho bà L.

Tại phiên tòa, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả số tiền nợ hụi cho bà M là 27.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản ghi lời khai ngày 24-3-2023, bị đơn là bà Võ Thị Mỹ L trình bày:

Bà L thừa nhận có cùng bà M chơi 01 phần hụi của bà M nhưng không nhớ rõ tham gia vào thời gian nào, lĩnh hụi vào kỳ hụi nào, đã lĩnh hụi được bao nhiêu, thời gian nào, cũng như không có ký hay viết tên vào giấy hụi nào của bà M và do bà không đi khui hụi nên bà không biết rõ tên các hụi viên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy do nguyên đơn không có chứng cứ thể hiện bà L hốt hụi vào kỳ hụi nào, đã giao tiền và nhận tiền bao nhiêu nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở để chứng minh việc bị đơn nợ hụi của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là bà Võ Thị Mỹ L và người làm chứng là bà Quách Thị Mỹ T, bà Huỳnh Thị M vắng mặt. Xét thấy, bị đơn và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229; Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Mỹ L cư trú tại xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thanh toán số tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" và Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3]. Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị M thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Võ Thị Mỹ L trả số tiền nợ hụi là 27.500.000 đồng (*theo đơn khởi kiện yêu cầu số tiền nợ hụi là 61.000.000 đồng*). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên căn cứ Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị M trình bày bà Võ Thị L (Võ Thị Mỹ L) có hùn với bà Huỳnh Thị M tham gia chơi 01 phần hụi của bà M mở ngày 30-10-2020 (âm lịch) và bà L cũng thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[5]. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là hợp pháp thì bà Huỳnh Thị M chỉ cung cấp cho Tòa án 01 Tờ giấy ghi tiêu đề "Hụi 2.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI HỤI MỘT LẦN, Khui vào ngày 30-10-2020", được đánh máy và ghi tay bằng hai màu mực khác nhau (đen+xanh) trên giấy A4, gồm 02 mặt, phía mặt sau có chữ ký của bà Huỳnh Thị M, phía dưới trang giấy có ghi nội dung "Tổng cộng : 36 chưng. Chủ hụi : Vợ Tư Xía (0345.176.917)" bao gồm bản photo khi khởi kiện và bản chính sau khi Tòa án thụ lý vụ án.

Tòa án đã ban hành văn bản yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện nhưng bà M không cung cấp được thêm tài

liệu, chứng cứ nào khác và tại phiên tòa thì bà M cũng không cung cấp thêm chứng cứ. Ngoài ra, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ những người làm chứng là bà Quách Thị Mỹ T và bà Huỳnh Thị M để tiến hành ghi lời khai và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 4 Điều 91, Điều 93; Điều 94 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[6]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản bác của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng,

[6.1]. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh: "*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp…*"

Tại Tờ giấy ghi tiêu đề "Hụi 2.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI HỤI MỘT LẦN, Khui vào ngày 30-10-2020", được đánh máy và ghi tay bằng hai màu mực khác nhau (đen+xanh) trên giấy A4, gồm 02 mặt, phía mặt sau có chữ ký của bà Huỳnh Thị M, phía dưới trang giấy có ghi nội dung "Tổng cộng : 36 chưng. Chủ hụi : Vợ Tư Xía (0345.176.917)" do bà M cung cấp cho Tòa án giữa bản photo khi nộp đơn khởi kiện và bản chính giao nộp sau khi thụ lý vụ án có sự khác nhau, không trùng khớp, có sự tẩy xóa về số tiền hụi và tại phiên tòa, bà M thừa nhận là do bà tự đồ lại cho rõ số tiền. Vì vậy, tờ giấy hụi này chưa đảm bảo tính xác thực và tính khách quan của chứng cứ.

Mặt khác, bà L không thừa nhận chữ "L" trong tờ giấy hụi nêu trên do bà M cung cấp là do bà L tự viết hay ký vào giấy hụi và bà M cũng không yêu cầu giám định nên chưa đủ cơ sở xác định chữ "L" trong tờ giấy hụi do bà M cung cấp là của bà L ký hay viết vào. Từ đó, cho thấy chưa đủ cơ sở vững chắc để xác định bà L có tham gia chơi thêm 01 phần hụi của bà M ngoài phần hụi hùn với bà M và theo Tờ giấy ghi tiêu đề "Hụi 2.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI HỤI MỘT LẦN, Khui vào ngày 30-10-2020" do bà M cung cấp cũng chưa thể hiện đây là phần hụi do bà L tự chơi hay là phần hụi mà bà L hùn chơi với bà Mật. Hơn nữa, khi khởi kiện thì bà M kiện bà Võ Thị L nhưng thực chất em dâu hùn chơi hụi với bà M là bà Võ Thị Mỹ L nên chữ "L" trong tờ giấy hụi do bà M cung cấp cho Tòa án là của bị đơn hay là một thành viên khác tham gia chơi hụi của bà M.

[6.2]. Đối với phần hụi mà bà L thừa nhận có hùn với bà M tham gia chơi hụi của bà M thì bà L chỉ thừa nhận có hùn chơi phần hụi với bà Mật nhưng không thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà M mà nghĩa vụ chứng minh việc bà L còn nợ hụi thuộc về phía bà M. Hơn nữa, tờ giấy hụi của bà M cung cấp cũng chưa thể hiện các lần góp hụi hay lĩnh hụi của bà L đối với phần hụi này, đây cũng là danh sách do bà M tự ghi chú để theo dõi hụi, không có xác nhận của bà L như nhận định ở mục [6.1]. hoặc thỏa thuận nào khác ràng buộc trách nhiệm của bà L đối với nội dung mà chủ hụi ghi trong tờ giấy hụi này này, bà M cũng không cung cấp được chứng cứ nào để xác định cụ thể là bà L lĩnh hụi vào kỳ nào, sau khi lĩnh hụi thì đã góp hụi được bao nhiêu kỳ và các lần hụi còn nợ lại là bao nhiêu.

[6.3]. Ngoài ra, trong quá trình tổ chức chơi hụi, bà Huỳnh Thị M làm đầu thảo dây hụi mở ngày 30-10-2020 (âm lịch) nhưng lại không giao giấy (phơi) hụi cho các hụi viên, không lập danh sách hụi viên ghi rõ họ tên và nơi cứ trú cụ thể, không có lập văn bản thỏa thuận giữa chủ hụi với các hụi viên về việc khui hụi và lĩnh hụi, không có lập các biên nhận khi giao nhận tiền góp hụi, lĩnh hụi nên đối với việc tổ chức chơi hụi của bà M chưa tuân thủ các quy định về tổ chức hụi tại Điều 7, Điều 8, Điều 13 và Điều 14 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường.

Từ cơ sở trên, cho thấy các tài liệu, chứng cứ do bà M cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện chưa đảm bảo về tính khách quan, tính có thật và tính thuyết phục của chứng cứ theo quy định tại Điều 94; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị M.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định Khoản 2 Điều 26, Khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1, Khoản 4 Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 96; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229; Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 3; Điều 7; Điều 8; Điều 13; Điều 14; Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị M về việc yêu cầu bị đơn là bà Võ Thị Mỹ L thanh toán số tiền nợ hụi là 27.500.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị M phải chịu là 1.375.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Huỳnh Thị M đã nộp là 1.525.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005944 ngày

11-11-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng sau khi đã khấu trừ tiền án phí dân sự sơ thẩm nêu trên.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc